TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 134/2026/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 07 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 29/6/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 408/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1983,

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993, địa chỉ: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Dạ H1, sinh năm: 1964,
- Ông Mai Hồng C, sinh năm: 1962,
- Bà Mai Nguyễn Hồng L, sinh năm: 1985,

Cùng địa chỉ: Số B, ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long;

Ông Mai Hồng C, bà Mai Nguyễn Hồng L uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Dạ H1 tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Dạ H1, ông Mai Hồng C, bà Mai Nguyễn Hồng L đồng ý huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/4/2023 số công chứng 1120, quyển số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD được Công chứng tại Văn phòng C1 liên quan đến thửa đất 74+75, tờ bản đồ số 4 toạ lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre, nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Dạ H1, ông Mai Hồng C, bà Mai Nguyễn Hồng L đồng ý huỷ hợp đồng thoả thuận về việc cho thuê lại quyền sử dụng đất chuyển nhượng và cho nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng liên quan đến thửa đất số 74+75, tờ bản đồ số 4 toạ lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre, nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị Dạ H1, ông Mai Hồng C, bà Mai Nguyễn Hồng L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền tổng cộng là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim T đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Dạ H1, ông Mai Hồng C, bà Mai Nguyễn Hồng L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 74+75, tờ bản đồ số 4 toạ lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre, nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20/7/2000 do hộ bà Nguyễn Thị Dạ H1 đứng tên khi bà Nguyễn Thị Dạ H1, ông Mai Hồng C, bà Mai Nguyễn Hồng L trả hết số nợ trên cho bà Nguyễn Thị Kim T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên đương sự thống nhất về thời gian và cách thức trả nợ được thực hiện tại cơ quan thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 7.300.000 (bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008687, 0008688, cùng ngày 08/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Thi hành án dân sự tỉnh V hoàn lại số tiền tạm ứng án phí còn lại cho bà Nguyễn Thị Kim T là 6.700.000 (sáu triệu, bảy trăm nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.750.000 (tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Dạ H1, ông Mai Hồng C, bà Mai Nguyễn Hồng L phải liên đới nộp; bà H1, ông C là người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên được miễn, do đó bà Mai Nguyễn Hồng L phải nộp tiền án phí là 2.917.000 (hai triệu, chín trăm mười bảy nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Thi